

Phụ lục 3.

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND phường Ninh Hòa)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			Phòng Văn hóa - Xã hội
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	02	Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 ban hành KH CCHC phường Ninh Hòa năm 2025; công văn số 923/UBND-VHXXH ngày 08/9/2025 về việc thực hiện chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ
1.2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	51,85	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	27	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	14	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC			Chưa thực hiện
1.3.1	Số cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	=b/a*100	
	- Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a	
	- Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b	
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			Tạm thời chưa thực hiện
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành trước và đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1 Không = 0		Chưa thực hiện, đang chờ hướng dẫn của cấp trên
1.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.6	Tổ chức/tham mưu UBND tỉnh tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư	Có = 1 Không = 0	0	
1.7	Số lượng mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC (trong năm báo cáo)	Mô hình, sáng kiến, giải pháp	0	
1.7.1	Đang triển khai thí điểm	Mô hình, sáng kiến, giải pháp		
1.7.2	Đã triển khai áp dụng	Mô hình, sáng kiến, giải pháp		
2.	Cải cách thể chế			Văn phòng HĐND và UBND
2.1	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) ban hành	Văn bản		
	Số VBQPPL do phường ban hành, trong đó:	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số VBQPPL do HĐND ban hành	Văn bản	0	
	- Số VBQPPL do UBND ban hành	Văn bản	0	
2.2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
2.3	Rà soát VBQPPL			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
2.3.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
2.3.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)			Trung tâm Phục vụ hành chính công
3.1	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.1.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100%	
3.1.2	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	155	
3.1.3	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó:	Thủ tục	=a+b	
	- Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	a	
	- Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	b	
3.2	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của UBND cấp xã. Trong đó:	%	97,15	
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận	Hồ sơ	3.520	
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	2.354	
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	2.287	
	- Số hồ sơ TTHC đang giải quyết	Hồ sơ	67	
3.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư. Trong đó:			
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực đất đai	%	19,05	4/21 hồ sơ
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực xây dựng	%	0	
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực đầu tư	%	0	
3.3	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC. Trong đó:	%	57,14	
3.3.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	7	
3.3.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	4	
3.4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
3.4.1	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	37,27	
	- Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	3.520	
	- Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	1.312	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	37,24	
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến+ trực tiếp)	Thủ tục	3.520	
	- Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	1.311	
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	0,03	
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến+ trực tiếp)	Hồ sơ	3.520	
	- Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	1	
3.4.4	Số hồ sơ TTHC phát sinh thanh toán trực tuyến	Hồ sơ	19	
3.5	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC			
3.5.1	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cấp xã	%	100	
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã có kết quả giải quyết	%	2.354	
	- Số hồ sơ (bao gồm kết quả giải quyết TTHC) đã số hóa	%	2.354	
3.5.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%	100	
	- Cấp xã	%	100	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy			Phòng Văn hóa - Xã hội
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
	Tỷ lệ các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ (cấp xã)	%	100	
	- Tổng số phòng trực thuộc UBND cấp xã	Phòng	3	
	- Tổng số tổ chức hành chính khác trực thuộc	Tổ chức	1	
	- Tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Đơn vị	18	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Tổng số phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc		0	
	- Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc		0	
4.2	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	53	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	52	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	9	
	- Theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	Người	9	
	- Theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP	Người	0	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	592	
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách được giao	Người	592	
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được giao	Người	0	
	- Tổng số hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ được giao	Người	0	
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	589	
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	589	
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	
	- Tổng số hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	3	
5.	Cải cách chế độ công vụ			Phòng Văn hóa - Xã hội
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo (lũy kế từ đầu năm)			
5.3.1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Người	0	
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền)			
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
	- Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	104	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Kế hoạch được giao	Triệu đồng	26.301	
	- Đã thực hiện	Triệu đồng	27.284	
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL tại tỉnh (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSNCL	Đơn vị	19	
6.2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
6.2.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
6.2.4	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	19	
6.2.6	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
7.1	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)			Phòng Văn hóa - Xã hội
7.1.1	Có ứng dụng AI phục vụ công chức, viên chức	Có = 1 Không = 0	1	
7.1.2	Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp	Có = 1 Không = 0	0	
7.1.3	Có ứng dụng AI nâng cao khác	Có = 1 Không = 0	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			Các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công
7.2.1	Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp	Chứng thư số, chữ ký số	18	
7.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử (<i>chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
7.2.3.	Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường điện tử (<i>theo danh mục được ban hành</i>)	%	=b/a*100	Đang triển khai
	- Tổng số hồ sơ công việc theo danh mục	Hồ sơ	a	
	- Số hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường điện tử	Hồ sơ	b	
7.3	Cung cấp dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			Trung tâm Phục vụ hành chính công
7.3.1	Số TTHC đã triển khai thực hiện qua dịch vụ BCCI. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	244	
	- Số TTHC triển khai trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	387	
	- Số TTHC triển khai tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	244	
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI. Trong đó:	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
	- Số hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	22	
	- Số hồ sơ được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
7.4	Số tài khoản thư điện tử công vụ được cấp phát	Tài khoản	55	Phòng Văn hóa - Xã hội
7.5	Trang thông tin điện tử	Có = 1 Không = 0	1	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.1	Số lượng tin bài đăng tải trong kỳ	Tin bài	19	
7.5.2	Số lượng tin bài đăng trong chuyên mục CCHC	Tin bài	12	
7.5.3	Số lượng tin bài đăng trong chuyên mục Chuyển đổi số	Tin bài	7	
7.5.4	Số lượt truy cập Trang thông tin điện tử	Lượt	345,612	
7.6	Hệ thống phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh			Văn phòng HĐND và UBND
7.6.1	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn	%	100	
	- Tổng số phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận trên hệ thống	Phản ánh, kiến nghị	6	
	- Số phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn	Phản ánh, kiến nghị	6	
7.6.2	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	%	83,3	
	- Tổng số phản ánh, kiến nghị được đánh giá	Phản ánh, kiến nghị	6	
	- Số phản ánh, kiến nghị được đánh giá hài lòng và rất hài lòng	Phản ánh, kiến nghị	5	